

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị Ngô
Thị L và anh Lê Huy Q.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản.

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 14-5-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 02-02-2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐST-HNGĐ ngày 26-4-2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị L, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 58/4 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Số 23/2/114 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

** Bị đơn:* Anh Lê Huy Q, sinh năm 1981

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 58/4 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị L có mặt. Anh Q vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02-02-2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Huy Q tự do tìm hiểu và tự nguyện tổ chức hôn lễ tại gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 07-4-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có sự hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách. Ngoài ra, anh Q có quan hệ tình cảm với người khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau khoảng 3 năm nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Huy Q.

- Về con chung: Chị Ngô Thị L xác nhận vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Lê Thuận A, sinh ngày 22-9-2009; Lê Phương L, sinh ngày 05-01-2013 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17-7-2017. Hiện nay, cả 03 con đều đang ở cùng với chị tại địa chỉ: Số 23/2/114 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả 03 (ba) con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Lê Huy Q theo quy định của pháp luật. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q đều không đến Tòa án làm việc.

Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị L và anh Q cư trú đã xác nhận: Vợ chồng chị L và anh Q chung sống và có 03 (ba) con chung là: Lê Thuận A, sinh ngày 22-9-2009; Lê Phương L, sinh ngày 05-01-2013 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17-7-2017. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên hai bên đã sống ly thân. Hiện nay, chị L và các con sinh sống tại địa chỉ: Số 23/2/114 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Anh Q chuyển đến sống cùng mẹ đẻ tại địa chỉ: Số 58/4 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung của vợ chồng, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cháu Lê Thuận A và cháu Lê Phương L đều có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ đẻ ổn định cuộc sống và học tập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn trong suốt

quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử lý hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Lê Huy Q.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Ngô Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung là: Lê Thuận A, sinh ngày 22-9-2009; Lê Phương L, sinh ngày 05-01-2013 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17-7-2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Lê Huy Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Ngô Thị L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Huy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Lê Huy Q tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 07-4-2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách dẫn đến những bất đồng trong cuộc sống. Mặc dù đã có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng do khác biệt nhau về lối sống và tính cách nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Lê Huy Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị L có quan điểm đề nghị được nuôi cả ba con chung. Các con chung hiện nay đều đang ở cùng chị L. Ngoài ra, cháu Lê Thuận A và cháu Lê Phương L đều có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu A và cháu L đã trên 07 tuổi nên nguyện vọng của các cháu cần được ghi nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con....; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*. Vì vậy,

để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định: Giao cho chị Ngô Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung là: Lê Thuận A, sinh ngày 22-9-2009; Lê Phương L, sinh ngày 05-01-2013 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17-7-2017. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Lê Huy Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Ngô Thị L không yêu cầu, anh Lê Huy Q không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị L là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Lê Huy Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Ngô Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung là: Lê Thuận A, sinh ngày 22-9-2009; Lê Phương L, sinh ngày 05-01-2013 và Lê Ngọc Tr, sinh ngày 17-7-2017. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Lê Huy Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngô Thị L và anh Lê Huy Q đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0003521 ngày 02-02-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Huy Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng